

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI MIAIR
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI MIAIR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MIAIR INVESTMENT AND TRADING BUSINESS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MIAIR TRADING BUSINESS ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109186112

3. Ngày thành lập: 18/05/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 67A Phố Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
2.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
3.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
4.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
5.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
6.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
7.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
8.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
9.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
10.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
11.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
12.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
13.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
14.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701

15.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
16.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
17.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
18.	Khai thác và thu gom than non	0520
19.	Đúc sắt, thép	2431
20.	Đúc kim loại màu	2432
21.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
22.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
23.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
24.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
25.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
26.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
27.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
28.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
29.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
30.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
31.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
32.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
33.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
34.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
35.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
36.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
37.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
38.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
39.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
40.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
41.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
42.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
43.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
44.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
45.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
46.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
47.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
48.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040

49.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim	4663
50.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
51.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
52.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
53.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
54.	Sản xuất máy luyện kim	2823
55.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
56.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
57.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
58.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
59.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
60.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
61.	Đại lý du lịch	7911
62.	Điều hành tua du lịch	7912
63.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
64.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
65.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
66.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
67.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
68.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
69.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
70.	Xây dựng nhà để ở	4101
71.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322(Chính)
72.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4512
73.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4543
74.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

75.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ; - Mua bán vàng trang sức (Khoản 9 Điều 4 Nghị định số 24/2012/NĐ ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng) (Trừ hoạt động đấu giá tài sản); - Bán lẻ đồ thờ cúng, vàng mã và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; - Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, khăn lau...; - Bán lẻ hàng hóa phi lương thực, thực phẩm chưa được phân vào đâu.	4789
76.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
77.	Xây dựng nhà không để ở	4102
78.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
79.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4541
80.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
81.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
82.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
83.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
84.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
85.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
86.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô - Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng: xe bồn chở chất lỏng, xe chở hóa chất, xe đông lạnh; - Vận tải hàng nặng, vận tải container; - Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải.	4933
87.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
88.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
89.	Sản xuất nhạc cụ	3220

90.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
91.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
92.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
93.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
94.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
95.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
96.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, điều hòa không khí, công trình xây dựng Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy	7110
97.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
98.	Quảng cáo	7310
99.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
100.	Cho thuê xe có động cơ	7710
101.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
102.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
103.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
104.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
105.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
106.	Dịch vụ đóng gói	8292
107.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
108.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
109.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
110.	Vận tải đường ống	4940
111.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
112.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
113.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
114.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
115.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
116.	Bốc xếp hàng hóa	5224
117.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
118.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
119.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
120.	Xuất bản phần mềm	5820
121.	Lập trình máy vi tính	6201
122.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

123.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.	6209
124.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
125.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
126.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
127.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Quan hệ và thông tin cộng đồng; - Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý.	7020
128.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
129.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
130.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
131.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
132.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
133.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
134.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
135.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
136.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
137.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
138.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
139.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
140.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
141.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
142.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
143.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
144.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
145.	Thu gom rác thải độc hại	3812
146.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
147.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
148.	Tái chế phế liệu	3830
149.	Phá dỡ	4311
150.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

151.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
152.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi. Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi.	0722
153.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
154.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
155.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. - Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329
156.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
157.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
158.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
159.	Bán buôn thực phẩm	4632
160.	Bán buôn đồ uống	4633
161.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
162.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
163.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
164.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
165.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
166.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
167.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
168.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
169.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
170.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
171.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
172.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
173.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013

174.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
------	--	------

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ THỊ THOM	Thôn Tiên Ly, Xã Yết Kiêu, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	2.500.000.000	5,000	030198000183	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	25.000	2.500.000.000	5,000		
2	NGUYỄN VĂN NHANH	Số 306A1, TT Khương Thượng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	45.000.000.000	90,000	030070005793	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	450.000	45.000.000.000	90,000		

3	NGUYỄN THỊ THUY	Số 67A Phố Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	2.500.000.000	5,000	030166004791
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	25.000	2.500.000.000	5,000	

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN NHANH Giới tính: Nam
Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Sinh ngày: 10/09/1970 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân
Số giấy chứng thực cá nhân: 030070005793
Ngày cấp: 29/05/2019 Nơi cấp: Cục cs QLHC về TTXH
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 306A1, TT Khương Thượng, Phường Trung Tự,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Ổ ở hiện tại: Số 306A1, TT Khương Thượng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam